

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 14/3/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lợi.

2. Bà Hoàng Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - SN 1990

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ch - SN 1984

Cùng ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh Ch (anh Ch có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn Ch kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/7/2010.

Sau khi cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ cuối năm 2014, chị đã bỏ nhà đi ở chỗ khác, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Cuối năm 2017 chị đã làm đơn xin ly hôn anh Ch tại Tòa án huyện Quảng Xương, nhưng vì con cái chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng trở về đoàn tụ. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi rút đơn khởi kiện vợ chồng vẫn không thể về đoàn tụ được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch.

- *Về con cái:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh Ch - Sinh ngày 17/12/2011, cháu Nguyễn Tiến Th - Sinh ngày 07/7/2013. Ly hôn chị H xin nuôi cháu Quỳnh Ch để anh Ch nuôi cháu Tiến Th, không ai phải đóng góp tiền nuôi con chung với ai.

- *Về tài sản và công nợ:* Anh, chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 02 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Văn Ch trình bày:

Về hôn nhân: Anh Ch thừa nhận thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Ngoài ra, chị H còn có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác, anh khuyên bảo nhiều lần nhưng chị H không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát. Tháng 11/2017 chị H đã làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án, nhưng vì con cái chị H đã rút đơn khởi kiện. Sau khi rút đơn khởi kiện, vợ chồng vẫn không về đoàn tụ được. Nay chị H tiếp tục làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì con cái anh không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh Ch - Sinh ngày 17/12/2011, cháu Nguyễn Tiến Th - Sinh ngày 07/7/2013. Nếu phải ly hôn anh xin nuôi cả hai con, yêu cầu chị H phải đóng góp tiền nuôi con chung với anh theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/02/2019 cháu Nguyễn Thị Quỳnh Ch trình bày: Hiện nay cháu đang ở với bố. Nếu bố, mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng xin ở với bố.

Tại biên bản xác minh ngày 27/02/2019 tại địa phương ông trưởng thôn và bà chi hội phụ nữ thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa báo cáo: Anh Nguyễn Văn Ch và chị Lê Thị H kết hôn tự nguyện, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Năm 2014 anh Chính, chị H vào Nam làm ăn, đến cuối năm 2014 vợ chồng lại về sinh sống tại địa phương được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không biết vì anh, chị không báo cáo chính quyền địa phương. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh Ch đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh Ch, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh Ch, sinh ngày 17/12/2011, cháu Nguyễn Tiến Th, sinh ngày 07/7/2013. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh Ch, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng trình tự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng anh Ch có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị H, anh Ch đều đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, khi có tranh chấp xảy ra thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương là đúng theo Điểm a Khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] *Về hôn nhân*: Chị H và anh Ch kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/7/2010 là Hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ cuối năm 2014, chị H đã bỏ nhà đi ở chỗ khác, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Mặt khác, cuối năm 2017 chị H đã làm đơn xin ly hôn anh Ch tại Tòa án huyện Quảng Xương, nhưng vì con cái chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng trở

về đoàn tụ. Từ khi rút đơn khởi kiện cho đến nay vợ chồng vẫn không về đoàn tụ được với nhau. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch. Anh Ch xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì con cái anh không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ chồng trở về đoàn tụ để nuôi dạy con cái ăn học.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H tha thiết xin được ly hôn anh Ch. anh Ch xin đoàn tụ. Xét thấy chị H và anh Ch đã sống ly thân nhau một thời gian dài không quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, anh Ch cũng không có biện pháp gì để níu kéo được tình cảm giữa vợ và chồng nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H là phù hợp.

[3]*Về con cái*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh Ch, sinh ngày 17/12/2011, cháu Nguyễn Tiến Th, sinh ngày 07/7/2013.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Ch, chị H thống nhất giao cả hai con cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chị H tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung với anh Ch 1.000.000đ/tháng/cháu x 2 cháu = 2.000.000đ/tháng/2cháu.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị H và anh Ch là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4]*Về tài sản và công nợ*: Chị H, anh Ch thống nhất không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch.
2. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh Ch, sinh ngày 17/12/2011, cháu Nguyễn Tiến Th, sinh ngày 07/7/2013.

Chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị H, anh Ch như sau:

Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh Ch và cháu Nguyễn Tiến Th cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh Ch 1.000.000đ/tháng/1cháu x 2 cháu = 2.000.000đ/tháng/2cháu.

Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Chị H, anh Ch thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng chị H phải chịu là 450.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 1419 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị H còn phải nộp 150.000đ án phí sơ thẩm.

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- VKSND H.Quảng Xương;
- UBND xã H,huyện.T, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Thị Lý

